TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 110/2024/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 03 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị M** – Sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn N, xã G, huyện D, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Hà Thanh P** – Sinh năm: 1991; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Hà Thanh P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị M và anh Hà Thanh P thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung*: Chị Bùi Thị M và anh Hà Thanh P thống nhất có 01 con chung tên: Hà Thị Như L, sinh ngày 16/01/2021. Khi ly hôn, chị Bùi Thị M và anh Hà Thanh P thống nhất giao cháu Hà Thị Như L, sinh ngày

16/01/2021 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng và anh P không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị Bùi Thị M và anh Hà Thanh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Án phí HNST*: Chị Bùi Thị M tự nguyện chịu 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sung ngân sách Nhà nước. Chị Bùi Thị M đã nộp 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 006802 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nay được khấu trừ và hoàn trả lại cho chị Mùi 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã C, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ